TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2026/DS-ST
Ngày: 30 -3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thái Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân

Ông Hứa Văn Khương

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Bùi Thị Hồng Nhặn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên tòa bà Lâm Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim N, sinh ngày 01/02/1970. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Bị đơn:

- Ông Phan Văn B, sinh ngày 01/01/1948. Địa chỉ: Số P, đường Q, ấp S, xã R, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- Bà Phan Thị B1, sinh ngày 01/01/1981. Địa chỉ: Số P, đường Q, ấp S, xã R, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Kim N trình bày:*

Ông Phan Văn B cùng con là Phan Thị B1 nợ hụi của bà Huỳnh Kim N số tiền là 335.600.000 đồng. Bên cạnh đó, ông Phan Văn B cùng con là Phan Thị B1 còn vay của bà Huỳnh Kim N số tiền 400.000.000 đồng. Sau quá trình thương lượng hai bên đã đi đến thống nhất xác định ông Phan Văn B cùng con là Phan Thị B1 nợ bà Huỳnh Kim N số tiền 735.600.000 đồng. Đến ngày 01/8/2018 âm lịch nhằm ngày 10/9/2018 ngày dương lịch ông Phan Văn B cùng con là Phan Thị B1 lập biên nhận thống nhất xác định nợ của bà Huỳnh Kim N tổng số tiền

là 735.600.000 đồng cha con đã cùng ký xác nhận nợ trên giấy tập học sinh có nội dung:

"Tôi Phan Văn B

Tôi Phan Thị B1: có nợ tiền chi Kiêm N số tiền 735.600.000 đ (bảy trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng) số tiền trên là tiền mượn, và tiền hụi cộng. Tổng lại hụi khui 25/11/2017. Tôi và chị Kim N thống nhất cho trả hàng tháng 5 triệu ba năm đầu. Còn lại mỗi tháng của bốn năm là 10 triệu một tháng đến hết tiền nợ trên. Nếu tôi sai hẹn lời hứa trên thì chị Kim N sẽ được quyền đi thưa. Tôi và ba tôi hoàn toàn triệu trách nhiệm trước pháp luật áp dụng trả từ 30/10/2018 AL.

Sau khi bàn bạc và thống nhất hai bên đồng ý kí tên.

Bên cho vay....Bên vay

(ký tên) .....(ký tên)

Huỳnh Kim N.Phan Thị B1

.....(ký tên)

.....Phan Văn B

Hôm nay ngày 1/8/2018 AL

Hai dấu điểm chỉ màu đỏ."

Sau khi thống nhất nội dung trên, bên ông Phan Văn B, bà Phan Thị B1 cam kết trong ba năm đầu mỗi tháng trả 5.000.000 đồng. Sau đó 03 năm tiếp theo mỗi tháng trả 10.000.000 đồng. Thời gian bắt đầu tính là 30/10/2018 âm lịch nhằm ngày 06/12/2018 dương lịch. Quá trình thực hiện ông Phan Văn B, bà Phan Thị B1 trả cho bà Huỳnh Kim N nhiều lần đến ngày 01/11/2019 âm lịch nhằm ngày 26/11/2019 dương lịch đã trả cho bà Huỳnh Kim N tổng số tiền 60.000.000 đồng thì không còn trả thêm được nữa. Do đó tổng số tiền hiện tại ông Phan Văn B, bà Phan Thị B1 còn nợ bà Huỳnh Kim N tổng số tiền là 675.600.000 đồng. Do từ ngày 01/11/2019 âm lịch nhằm ngày 26/11/2019 dương lịch ông Phan Văn B, bà Phan Thị B1 không thực hiện đúng cam kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Kim N nên bà Huỳnh Kim N yêu cầu tính lãi số tiền 675.600.000 đồng với lãi chậm trả 0,83%/ tháng bắt đầu từ ngày vi phạm là ngày 01/11/2019 âm lịch nhằm ngày 26/11/2019 dương lịch đến ngày bà Huỳnh Kim N khởi kiện là 26/12/2025 là 73 tháng với tổng số tiền lãi chậm trả là 409.346.040 đồng và số tiền gốc là 675.600.000 đồng.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 từ chối nhận văn bản của Tòa án và không có mặt để trình bày ý kiến.*

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Huỳnh Kim N vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra theo đơn khởi kiện và trình bày tại phiên tòa bà Huỳnh Kim N đưa ra yêu cầu tính lãi đến khi ông B, bà B1 trả nợ xong. Do đó, số tiền lãi chậm trả tiếp tục tính từ ngày 27/12/2025 đến ngày 30/3/2026 của số tiền còn nợ

675.600.000 đồng là 17.383.188 đồng. Vì vậy tổng số tiền bao gồm cả nợ gốc và lãi chậm trả là: 1.102.329.228 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Quá trình thụ lý vụ án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chưa đầy đủ, do đó Hội đồng xét xử cần phải xác định lại như sau: theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà Huỳnh Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Kim N số tiền vay và tiền góp hụi còn nợ là tổng số tiền lãi chậm trả là 409.346.040 đồng và số tiền gốc là 675.600.000 đồng. Được xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Điều 471 Bộ luật Dân sự và tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn đơn ông Phan Văn B bà Phan Thị B1 cùng địa chỉ: Số P, đường Q, ấp S, xã R, thành phố Cần Thơ. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: Sau quá trình thỏa thuận, thương lượng giữa bà Huỳnh Kim N với cha con ông Phan Văn B, bà Phan Thị B1 về số tiền nợ hụi và tiền vay đến ngày 01/8/2018 âm lịch (nhằm ngày 10/9/2018 dương lịch), hai bên lập biên nhận xác nhận khoản nợ 735.600.000 đồng, có chữ ký và điểm chỉ của ông B và bà B1 cùng với thỏa thuận trả tiền: Trong thời gian 03 năm đầu: mỗi tháng 5.000.000 đồng. Sau đó 04 năm tiếp theo: mỗi tháng 10.000.000 đồng. Bắt đầu từ thực hiện vào ngày 30/10/2018 âm lịch (nhằm ngày 06/12/2018 dương lịch). Quá trình thực hiện: đến ngày01/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 26/11/2019

dương lịch), ông B và bà B1 đã trả được 60.000.000 đồng, sau đó ngừng trả. Số tiền còn nợ: 675.600.000 đồng. Do vi phạm cam kết từ ngày 01/11/2019 âm lịch, bà Huỳnh Kim N yêu cầu tính lãi chậm trả 0,83%/tháng trong 73 tháng (từ ngày 26/11/2019 đến ngày 26/12/2025), số tiền lãi chậm trả là 409.346.040 đồng. Kể từ ngày 27/12/2025 đến ngày xét xử 30/3/2026, số tiền lãi chậm trả là: 17.383.188 đồng. Tổng cộng tiền lãi chậm trả là: 426.729.228 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi: 1.102.329.228 đồng.

[4.1] Nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được Tòa án thực hiện tống đạt hợp lệ cho bị đơn, tuy nhiên ông Phan Văn B, bà Phan Thị B1 đã từ chối nhận văn bản cũng như không có mặt để trình bày ý kiến hay đưa ra yêu cầu giải quyết nội dung gì trong vụ án. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Dân sự xác định bị đơn ông Phan Văn B, bà Phan Thị B1 không phản đối nội dung khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[4.2] Từ đó bà Huỳnh Kim N không phải chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Hội đồng xét xử xác định ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 còn nợ hụi và nợ tiền vay của bà Huỳnh Kim N tổng số tiền tính đến ngày 01/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 26/11/2019 dương lịch) là 675.600.000 đồng. Kể từ ngày 26/11/2019 thì ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Kim N cho đến nay.

[4.3] Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim N đối với ông Phan Văn B, bà Phan Thị B1 đòi lại số tiền 675.600.000 đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Đồng thời buộc lãi chậm trả từ ngày 26/11/2019 đến ngày xét xử 30/3/2026 với tổng tiền lại chậm trả là: 426.729.228 đồng cũng phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 và Điều 280 của Bộ luật Dân sự.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim N, giải quyết buộc ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Kim N số tiền vay còn nợ là tổng số tiền lãi chậm trả là 426.729.228 đồng và số tiền gốc là 675.600.000 đồng.

[6] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Huỳnh Kim N đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Kim N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Kim N không phải chịu án phí sơ thẩm; ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 45.069.877 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Căn cứ vào các điều 280, 463, 466, 471, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim N về việc yêu cầu ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 trả số tiền vay, tiền hụi còn nợ là 675.600.000 đồng tiền gốc và tổng số tiền lãi chậm trả là 409.346.040 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 27/12/2025 là 17.383.188 đồng. Tổng cộng tiền lãi chậm trả đến ngày xét xử là 426.729.228 đồng. Do đó tổng số tiền 1.102.329.228 đồng.

Buộc ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Kim N số tiền vay còn nợ là **1.102.329.228 đồng (Một tỷ một trăm lẻ hai triệu ba trăm hai mươi chín nghìn hai trăm hai mươi tám đồng)**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Huỳnh Kim N đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Kim N không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Huỳnh Kim N đã nộp là 22.300.000 đồng *(Hai mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013118, ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 45.069.877 đồng *(Bốn mươi lăm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Kim N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án và ông Phan Văn B và bà Phan Thị B1 được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- VKSND KV10-CT (01);
- THADS TPCT(01);
- TAND thành phố Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thái Ngọc